

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan.

Bà Nguyễn Thị Bích Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-TA ngày 23 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐHPT-TA ngày 10 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021; giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Đ** - sinh năm 1982;

ĐKHKT: Thôn BT, xã LL, huyện GL, tỉnh H.

Đăng ký tạm trú tại: Khu KL, phường TH, thành phố H, tỉnh H.

Hiện ở: Số 510 LTN, phường LTN, thành phố H, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1980;

ĐKHKT: Thôn BT, xã LL, huyện GL, tỉnh H.

Hiện trú tại: Khu KL, phường TH, thành phố H, tỉnh H.

Chị Đ có đơn xin xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/4/2021 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn là chị Phạm Thị Đ trình bày:

Chị và anh Đặng Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã LL, huyện GL, tỉnh H vào ngày 12/01/2007. Sau khi cưới anh chị đi làm kinh tế tại Hà Nội được 5 năm, sau đó chuyển về sống cùng bố mẹ chồng tại LL – GL – H được 1 năm thì anh chị thuê kiot ở chợ TB để làm nghề đóng tranh. Năm 2016 thuê nhà tại số 77 phố QL, phường TB, thành phố H. Đến cuối năm 2019 anh chị mua nhà tại số 9 ngách 3 ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H, tỉnh H.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Anh T thường xuyên có câu nói xúc phạm chị, nghi ngờ chị ngoại tình nhưng chính bản thân anh T ngoại tình. Năm 2018 chị phát hiện anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến việc làm kinh tế, lại ham chơi dẫn đến việc làm ăn bị thua lỗ, gia đình lâm vào cảnh nợ nần nhiều. Tháng 10/2020 vợ chồng phải bán nhà trả nợ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2020 và thời điểm đó chị cũng đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án huyện GL, sau đó chị lại rút đơn về tuy nhiên vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn vẫn sống ly thân không ai qua tâm đến ai. Hiện nay chị đang sống tại số 510 LTN, thành phố H nhưng vẫn thỉnh thoảng về thăm con. Chị xác định giữa chị và anh T chỉ liên lạc về việc chăm sóc con, còn về tình cảm, quan hệ vợ chồng thì đã chấm dứt, không ai quan tâm đến ai, việc mâu thuẫn cả hai bên gia đình đều biết. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 08/8/2011. Hiện nay cháu đang sống cùng anh T, chị không muốn con bị xáo trộn nên vẫn để anh T nuôi. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 5 năm 2021 anh Đặng Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Đ kết hôn ngày 12/01/2007. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LL, huyện GL, tỉnh H. Do kinh tế khó khăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay. Hai bên gia đình cũng biết mâu thuẫn vợ chồng nhưng chưa can thiệp gì. Anh vẫn còn tình cảm với chị Đ. Mong muốn của anh là muốn vợ chồng gắn bó để nuôi dạy con. Anh đề nghị tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 08/8/2011. Anh chưa đồng ý ly hôn nên chưa có quan điểm để giải quyết con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã ghi lời khai của bà Phạm Thị L (mẹ đẻ chị Đ), bà L trình bày:

Anh T và chị Đ tìm hiểu nhau khoảng 03 năm và tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại UBND xã LL, huyện GL, tỉnh H vào ngày 12/01/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau ở Hà Nội, sau khi sinh con sống với gia đình nhà chồng, đến năm 2013 thì vợ chồng sinh sống tại khu 8, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T làm ăn thua lỗ, sống thiếu trách nhiệm với vợ, đã từ lâu anh T không về thăm gia đình bà, có biểu hiện không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng Đ- T gia đình có biết từ năm 2020, gia đình có khuyên giải chị Đ, còn anh T do chưa gặp nên chưa tham gia được với anh T. Từ năm 2020 vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh T có hứa ký đồng ý ly hôn nhưng anh T vẫn không ký. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Đ.

Tòa án đã ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Ng (mẹ đẻ anh T), bà Ng trình bày:

Anh Đặng Văn T và chị Phạm Thị Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã LL năm 2007. Sau khi cưới anh chị làm ăn kinh tế tại Hà Nội. Năm 2011 khi chuẩn bị sinh cháu D anh chị về sống cùng với bà được 01 năm sau đó chuyển lên thành phố H thuê nhà làm kinh tế.

Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh T chị Đ bà không biết cụ thể nguyên nhân, tuy nhiên đã hơn 01 năm nay anh T và chị Đ không hòa thuận và chị Đ cũng không về nhà bà. Trong thời gian vợ chồng sống cùng nhau thời gian đầu không xảy ra mâu thuẫn gì lớn đến cuối năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T ham chơi, chị Đ có về nhà nói chuyện với bà không muốn chung sống cùng anh T, bà cùng gia đình đã khuyên chị Đ nghĩ đến con bỏ qua cho anh T để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con. Anh T về gặp bà nhưng không nói cho bà biết cụ thể mâu thuẫn vợ chồng, bà có khuyên bảo anh Tuấn, anh Tuấn cũng nói là đã xin chị Đ cho cơ hội. Sau một thời gian thì vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nhưng khi vợ chồng đoàn tụ không hiểu lý do gì mà chị Đ giận anh T sống với anh T nhưng 4 tháng không nói chuyện, thờ ơ lạnh nhạt với chồng và gia đình bà.

Mặc dù được gia đình khuyên bảo nhưng chị Đ không nghe và đã làm đơn ly hôn tại Tòa án huyện GL. Gia đình bà tha thiết mong vợ chồng anh T chị Đ đoàn tụ. Khi chị Đ rút đơn tại Tòa GL gia đình hy vọng vợ chồng anh chị sẽ hòa thuận. Nhưng khi bà hỏi anh T thì được biết chị Đ vẫn không về sống cùng nhà, không yêu thương quan tâm đến anh T. Nay đề nghị Tòa án động viên, hòa giải để chị Đ và anh T đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ông Nguyễn Minh Tuyên – Trưởng khu 8 phường HT, thành phố H cho biết: Anh Đặng Văn T và chị Phạm Thị Đ có mua nhà của bà Lê Thị Ng tại số 9 ngách 3 ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H khoảng

tháng 7/2019. Sau khi anh T chị Đ chuyển về sống tại địa chỉ trên không đăng ký tạm trú. Sau 01 năm anh T chị Đ đã bán nhà và chuyển đi nơi khác. Theo phản ánh của hàng xóm nhà anh T, chị Đ thì trong thời gian vợ chồng anh Tuấn, chị Đ sống tại nhà số 9 ngách 3 ngõ 1022 LTN thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau nguyên nhân do anh T ham chơi và không chung thủy.

Tại biên bản xác minh ông Vương Văn Sự - Trưởng khu KL, phường TH, thành phố H cho biết: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1982 xin ly hôn anh Đặng Văn Tuấn, sinh năm 1980; ĐKKHKT: Thôn BT, xã LL, huyện GL, tỉnh H; Nơi cư trú: khu Khu KL, phường TH, thành phố H; Vợ chồng chị Đ anh T chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng không trình báo với địa phương khu dân cư nên khu dân cư không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ anh T. Hiện nay chỉ có anh T sinh sống cùng con gái còn chị Đ đã chuyển đi nơi khác, thời gian chuyển địa phương không nắm được.

Đối với anh Đặng Văn T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T theo đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên anh T đều vắng mặt tại các buổi làm việc. Ngày 16/7/2021 và ngày 23/7/2021 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị Đ và anh T, đồng thời đã gửi thông báo kết quả về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T.

Ngày 26/7/2021 Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ và giấy triệu tập anh T đến phiên tòa vào 8h 00' ngày 10/8/2021; Ngày 25/8/2021 Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐHPT-TA và giấy triệu tập anh T đến phiên tòa vào hồi 14h00' ngày 31 tháng 8 năm 2021. Ngày 06/9/2021 Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐHPT- TA ngày 31/8/2021 và giấy triệu tập anh T đến phiên tòa vào hồi 14h00' ngày 11 tháng 9 năm 2021. Tuy nhiên anh T đều từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã thông báo cho anh T biết nội dung các văn bản tố tụng đó và lập biên bản là căn cứ để giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm

2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xử chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Đặng Văn T.

- **Về quan hệ con chung:** Giao cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Thị Thùy D đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) .

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d theo biên lai số AA/2018/0005114 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án vì bị đơn là anh Đặng Văn T trú tại: Khu KL, phường TH, thành phố H, tỉnh H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Đ và anh Đặng Văn T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống không hạnh phúc, chị Đ cho rằng anh T trong cuộc sống không tôn trọng chị, nghi ngờ chị không chung thủy, bản thân anh T ham chơi, nợ nần phải bán nhà để trả nợ. Chị Đ đã làm đơn ra Tòa án sau đó lại rút đơn về. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không có chuyển biến vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đối với anh T, anh đã biết việc chị Đ làm đơn xin ly hôn và có quan điểm mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con, tuy nhiên anh vắng mặt tại các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập. Điều đó thể hiện anh cũng không còn tình cảm với chị Đ để mặc chị Đ giải quyết và không có động cơ muốn hàn gắn với chị Đ. Tòa án đã xác minh gia đình hai bên thể hiện: chị Đ và anh T trong cuộc sống có mâu thuẫn gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Tòa án xác minh tại địa phương thể

hiện: Chị Đ và anh T thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau nguyên nhân do anh T ham chơi và không chung thủy. Hiện nay chị Đ và anh T không sống chung, mỗi người một nơi, chị Đ xác định không còn tình cảm với anh T. Như vậy thể hiện giữa chị Đ và anh T không còn yêu thương, chăm sóc nhau, cùng lo cho gia đình. Xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị Đ và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị Đ được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 08/8/2011. Hiện nay cháu D đang sống cùng anh T. Chị Đ có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: hiện chị Đ đang làm công nhân cho Công ty TNHH giấy LEO lương hơn 7.000.000đ/tháng, Về phía anh T không có quan điểm về con chung tuy nhiên cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, cần căn cứ các điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu D cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đoan.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 08/8/2011 cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d theo biên lai số AA/2018/0005114 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Đ, anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. H;
- Chi cục THA dân sự tp. H;
- UBND xã LL, huyện GL, tỉnh H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Thiện

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Nga Phạm Thị Lan

Phạm Thị Khánh Thiện

